**Câu 1: Trình bày về khái niệm thế giới quan, các hình thức thế giới quan. Nội dung, bản chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân của thế giới quan khoa học. Những nguyên tắc phương pháp luận được rút ra từ thế giới quan duy vật biện chứng vào sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay?**

*1.Khái niệm thế giới quan:* là toàn bộ những quan điểm, quan niệm của con người về thế giới, về bản chất con người, về cuộc sống và vị trí của con người trong thế giới ấy.

*2.Các hình thức cơ bản của thế giới quan:* Cho đến nay, sự phát triển của thế giới quan đã được thể hiện dưới 3 hình thức cơ bản: thế giới quan huyền thoại, thế giới quan tôn giáo, thế giới quan triết học

a) Thế giới quan huyền thoại:

- Định nghĩa: Thế giới quan huyền thoại là thế giới quan có nội dung pha trộn 1 cách không tự giác giữa thực và ảo.

- Đặc điểm:

+ Thế giới quan huyền thoại đặc trưng cho "tư duy nguyên thủy”, được thể hiện qua các truyện thần thoại.

+ Là sản phẩm của nhận thức cảm tính nên những gì trừu tượng thường được con người hình dung dưới những dạng sự vật cụ thể, ví dụ như "Thiện"và "Ác”.

+ Trong xã hội công xã nguyên thủy, cuộc sống cộng đồng với tất cả những nhu cầu của nó đã làm nảy sinh ý thức tìm về cội nguồn của người nguyên thủy.

b) Thế giới quan tôn giáo:

- Định nghĩa: là thế giới quan có niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh của lực lượng siêu nhiên đối với thế giới, đối với con người,được thể hiện qua các hành động có tổ chức để suy tôn,sùng bái lực lượng siêu nhiên ấy.

- Đặc điểm:

+ Niềm tin cao hơn lý trí, tin vào một thế giới khác hoàn thiện, hoàn mỹ mà con người sẽ đến sau khi chết.

+ Thể hiện sự bất lực của con người, đồng thời thể hiện mong muốn của con người về một thế giới hoàn thiện, hoàn mỹ.

c) Thế giới quan triết học:

- Định nghĩa: là thế giới quan được thể hiện bằng hệ thống lý luận thông qua hệ thống các khái niệm, phạm trù, quy luật. Nó không chỉ nêu ra các quan điểm, quan niệm của con người về thế giới và bản thân, mà còn chứng minh các quan điểm, quan niệm đó bằng lý luận.

- Đặc điểm:

+ Dựa trên sự khái quát tri thức khoa học.

+ Các quan điểm, nhận định đều được chứng minh bằng những tri thức khoa học và suy luận logic.

+ Những chứng minh có thể đúng, có thể sai, do vậy có thế giới quan triết học khoa học và không khoa học.

*3.Nội dung chủ nghĩa duy vật biện chứng:*

a) Quan điểm duy vật về thế giới: Bản chất của thế giới là vật chất, thế giới thống nhất ở tính vật chất và vật chất là thực tại khách quan, tồn tại độc lập với ý thức, quyết định ý thức và được ý thức phản ánh.

- Chỉ có 1 thế giới duy nhất là thế giới vật chất. Thế giới vật chất tồn tại khách quan, vĩnh viễn, vô tận, không sinh ra, không mất đi.

- Mọi sự vật hiện tượng trên thế giới đều là những dạng tồn tại cụ thể của vật chất, hay thuộc tính của vật chất.

- Các sự vật, hiện tượng trong thế giới vật chất chuyển hóa lẫn nhau, vận động theo các quy luật khách quan.

- Ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào bộ não người.

=> Quan điểm duy vật về thế giới được chứng minh bằng sự phát triển lâu dài của triết học và của khoa học tự nhiên, không phải là sự sáng tạo thuần túy chủ quan của nhà tư tưởng.

b) Quan điểm duy vật về xã hội:

- Xã hội là 1 bộ phận đặc thù của tự nhiên, do hoạt động của những con người hiện thực tạo nên.

- Sản xuất vật chất là cơ sở của đời sống xã hội. Phương thức sản xuất quyết định quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội.

- Sự phát triển xã hội là 1 quá trình lịch sử - tự nhiên.

- Quần chúng nhân dân là chủ thể chân chính sáng tạo ra lịch sử.

*4.Bản chất chủ nghĩa duy vật biện chứng:*

- Giải quyết đúng đắn vấn đề cơ bản của triết học trên quan điểm thực tiễn:

+ CNDV cũ thiếu quan điểm thực tiễn, máy móc.

+ Khẳng định vật chất có trước và quyết định ý thức.

+ Trong quá trình hoạt động thực tiễn, ý thức tác động tích cực làm biến đổi hiện thực vật chất theo nhu cầu của con ngươi.

- Thống nhất thế giới quan duy vật với phép biện chứng: CNDV cũ mang nặng tính siêu hình và phép biện chứng được nghiên cứu trong hệ thống triết học duy tâm

-> Cải tạo CNDV cũ và giải thoát phép biện chứng ra khỏi tính thần bí, tự biện -> CNDVBC.

- Duy vật triệt để: không chỉ duy vật trong lĩnh vực tự nhiên mà còn trong lĩnh vực xã hội.

- Tính thực tiễn – cách mạng:

+ Mục đích là cải tạo thế giới chứ không phải là giải thích thế giới.

+ Là vũ khí lý luận của giai cấp vô sản.

+ Khẳng định tính tất thắng của cái mới (thực tiễn): xóa bỏ cái cũ lỗi thời, xây dựng cái mới tiến bộ.

+ CNDVBC là 1 hệ thống mở, là kim chỉ nam cho mọi hành động.

*5. Nguyên tắc phương pháp luận được rút ra từ thế giới quan duy vật biện chứng vào sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay?*

- Đổi mới chính trị, xuất phát từ thực tiễn hệ thống chính trị đã tỏ ra yếu kém, không đáp ứng được yêu cầu của cách mạng.

- Dần dần loại bỏ sự phụ thuộc vào nông nghiệp, chuyển hướng phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp.

**Câu 2: Trình bày và phân tích nội dung nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển. Hãy phân tích ý nghĩa phương pháp luận được rút ra từ 2 nguyên lý này và việc vận dụng chúng trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay.**

*1.Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến:*

- Nội dung:

+ Khái niệm mối liên hệ phổ biến nói lên rằng mọi sự vật hiện tượng trong thế giới dù phong phú và đa dạng nhưng đều tồn tại, chịu sự tác động, sự quy định, không sự vật nào tồn tại biệt lập ngoài mối liên hệ với sự vật và hiện tượng khác.

+ Các bộ phận, yếu tố, giai đoạn phát triển khác nhau của mỗi sự vật đề có tác động quy định lẫn nhau, mặt này lấy mặt kia làm tiền đề tồn tại cho mình.

- Mối liên hệ phổ biến gồm những đặc điểm sau:

+ Tính khách quan: Liên hệ là vốn có của các sự vật hiện tượng, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người, là điều kiện tồn tại và phát triển của các sự vật hiện tượng, con người không thể tạo ra được mối liên hệ mà chỉ có thể nhận thức và vận dụng chúng.

+ Tính đa dạng: Các sự vật hiện tượng trong thế giới là đa dạng, phong phú, do đó mối liên hệ phổ biến cũng đa dạng phong phú, có mối liên hệ chung – riêng, bên trong – bên ngoài, trực tiếp – gián tiếp, tất nhiên - ngẫu nhiên, cơ bản – không cơ bản.

- Ý nghĩa:

+ Sự vật không tồn tại biệt lập mà tồn tại trong mối liên hệ với các sự vật, hiện tượng khác, nên muốn nhận thức sự vật phải nhận thức được mối liên hệ của nó. Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải có quan điểm toàn diện, khắc phục quan điểm phiến diện 1 chiều.

+ Có nhiều loại mối liên hệ và chúng có vai trò khác nhau trong sự vật, do đó để thúc đẩy sự vật phát triển phải phân loại, nhận thức, quy định bản chất sự việc từ đó giải quyết mối liên hệ đó.

*2.Nguyên lý về sự phát triển:*

-Nội dung:

+ Phát triển là một quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp, chưa hoàn thiện đến hoàn thiện.

+ Phát triển là 1 quá trình tích lũy dần về lượng, dẫn đến sự thay đổi về chất, nhưng do điều kiện mà có những khuynh hướng vận động dẫn đến sự thay đổi về chất.

+ Phát triển không phải diễn ra theo 1 con đường thẳng tắp mà theo đường xoáy trôn ốc giống như lặp lại ban đầu nhưng cao hơn.

-Ý nghĩa: Khi xem xét sự vật phải vạch ra được cái tương lai trong cái hiện tại, cái mới trong cái cũ, nhưng không phải là hoàn toàn loại bỏ cái cũ, mà có sự chọn lọc kế thừa những cái gì còn tiến bộ của cái cũ, phải biết ủng hộ cái mới. Đồng thời nắm vững quan điểm này còn giúp cho ta tránh được hoang mang dao động khi sự phát triển gặp lúc thoái trào và giữ vững được niềm tin của sự phát triển đi lên.

3. Vận dụng trong quá trình thực hiện CNH-HDH ở nước ta:

Trong việc chuyển dịch nền kinh tế, từ lấy nông nghiệp làm chủ đạo sang công nghiệp, nước ta xem xét tình hình phát triển kinh tế xã hội hiện tại, không loại bỏ hoàn toàn các ngành nông nghiệp mà dần dần khuyến khích người dân từ làm nông nghiệp nhỏ lẻ sang mô hình trang trại, đầu tư vào công nghiệp sản xuất, lắp ráp...

**Câu 3: Phân tích nội dung quy luật mâu thuẫn của phép biện chứng duy vật? Ý nghĩa phương pháp luận của sự nhận thức quy luật này trong việc phát hiện và phân tích mâu thuẫn ở nước ta hiện nay?**

a)Nội dung: Trong mỗi sự vật hiện tượng hay quá trình nào đó luôn chứa đựng những mặt, những khuynh hướng đối lập nhau tạo thành những mâu thuẫn trong bản thân mình; sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập tạo thành xung lực nội tại của sự vận động và phát triển, dẫn tới sự mất đi của cái cũ và nhường chỗ cho sự ra đời của cái mới.

b)Phân tích:

-Mâu thuẫn là hiện tượng khách quan và mang tính phổ biến, là nguồn gốc của sự vận động và phát triển:Phép biện chứng duy vật khẳng định rằng, mọi sự vật hiện tượng trong thế giới đều tồn tại mâu thuẫn bên trong; mỗi sự vật hiện tượng đều là một thể thống nhất giữa các mặt, các thuộc tính, các khuynh hướng đối lập nhau, những mặt đối lập nhau nhưng lại ràng buộc nhau nên nó tạo thành mâu thuẫn. Mâu thuẫn tồn tại khách quan trong thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy con người, tồn tại phổ biến chẳng những ở mọi sự vật hiện tượng mà còn phổ biến trong suốt quá trình vận động và phát triển của chúng, mâu thuẫn này mất đi thì mâu thuẫn khác được hình thành.

-Sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập: khái niệm “thống nhất” trong quy luật mâu thuẫn có nghĩa là 2 mặt đối lập liên hệ, ràng buộc và quy định lẫn nhau, mặt này lấy mặt kia làm tiền đề để tồn tại và phát triển. Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là 1 quá trình phực tạp, bao gồm nhiều giai đoạn với những đặc điểm riêng của nó: ban đầu mâu thuẫn được biểu hiện ở sự khác nhau của 2 mặt có khuynh hướng trái ngược nhau, trong quá trình phát triển sự khác nhau sẽ biến thành sự đối lập, khi chúng xung đột nhau gay gắt, đến thời điểm chín muồi mâu thuẫn được giải quyết, sự thống nhất được hình thành cùng với mâu thuẫn mới. Bất cứ sự thống nhất của các mặt đối lập cụ thể nào cũng đều có tính chất tạm thời tương đối.

-Mâu thuẫn rất đa dạng. Căn cứ vào quan hệ giữa các mặt đối lập có mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài. Căn cứ vào ý nghĩa đối với sự tồn tại và phát triển của toàn bộ sự vật hiện tượng có mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản. Căn cứ vào vai trò mâu thuẫn có mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu. Căn cứ vào tính chất các lợi ích đối lập trong xã hội có mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng.

c)Ý nghĩa:

-Phải thừa nhận tính khách quan của mâu thuẫn, yêu cầu này đòi hỏi chúng ta phải biết phân tích các mặt đối lập của mâu thuẫn, nắm bắt được bản chất của sự vật, khuynh hướng vận động và phát triển của chúng.

-Hoạt động thực tiễn nhằm biến đổi sự vật là quá trình giải quyết mâu thuẫn của nó, muốn vậy phải xác định đúng trạng thái chín muồi của mâu thuẫn, tìm ra phương thức, phương tiện và lực lượng có khả năng giải quyết mâu thuẫn, không nên giải quyết mâu thuẫn một cách vội vàng khi chưa đủ điều kiện.

-Mâu thuẫn phải được giải quyết bằng con đường đấu tranh dưới nhiều hình thức khác nhau, tùy loại mâu thuẫn mà có phương pháp giải quyết cụ thể.

- Trong đại hội đại biểu lần thứ VIII của Đảng vào 7/1996, Đảng khẳng định phải kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị. Nhưng đổi mới chính trị phải gắn liền với ổn định chính trị, không phải đổi mới 1 cách vô nguyên tắc mà phải vừa đổi mới vừa giữ vững ổn định về chính trị, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò tổ chức quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đổi mới kinh tế cũng phải theo 1 phương hướng quy tắc nhất định, đó là chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hàng hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tóm lại, ổn định và đổi mới chính chị là 2 mặt đối lập nhưng thống nhất biện chứng với nhau. Có ổn định thì mới có đổi mới và ngươc lại, 2 quá trình tác động qua lại với nhau trên nền tảng đó để đổi mới và phát triển kinh tế.

**Câu 4: Phân tích nội dung quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi vè chất và ngược lại? ý nghĩa phương phát luận của sự nhận thức quy luận này trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở việt nam hiện nay?**

- Lượng là phạm trù triết học chỉ có tính quy định vôn có của sự vật nhưng chưa nói rõ sự khác nhau căn bản giữa nó với sự vật khác mà chỉ nói lên quy mô trình độ, số lượng, mức độ của sự vật

- Đó là mối liên hệ quy định lẫn nhau của chất và lượng. nó là giới hạn mà tỏng đó tùy lượng đã thay đổi sự vật vẫn còn là nó chưa biến thành cái khác.

- Sự biến đổi về chất gọi là nhảy vọi đó là bước ngoặt trong sự biến đổi dẫn đến về lượng.

a) Phân tích nội dụng quy luật lượng- chất

- Những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất

+ Quá trình vận động, phát triển của sự vật diễn ra bang cách lượng đổi dẫn đến chất đổi. sự vật tồn tại trong sự thống nhật giữa chất và lượng.chất lượng tương đồng qua lại lẫn nhau. Lượng biến đổi dẫn đến tăng hoặc giảm trong giới hạn đó. Sự thay đổi về lượng chất làm thay đổi hoàn toàn về chất, những ảnh hưởng đến trạng thái của chất. lượng phát triến đển một mức độ nhật định hết giớ hạn đố thì đó chính là điểm nút ở đây sảy ra nhảy vọt. đố là sự chuyển biến về chất. chất cũ mất đi, chất mới ra đời thay thế cho sự vật cũ mất đi nhường chỗ cho sự vật mới ra đời. nhảy vọt kết thực một giai đoạn biến đổi về lượng. nó là sự gián đoạn trong quá tình vận động liên tục của sự vật nhưng nó là sự gián đoạn trong quá trình vận động liên tục của sự vật nhưng nó không chấm dứt sự vận động mà chỉ chấm dứt một dạng tồn tại của sự vật, chấm dứt một giai đoạn vận động này sang một giai đoạn vân động khác.

- Chất mới ra đời tác động đến sự biến đổi của lượng. chất mới ra đời tạo mọi sự thống nhất mới giữa chất và lượng và đổi mới.

+ Chất mới hình thành quy định sự biến đổi của lượng. sự ảnh hưởng của chất đến lượng có thể biểu hiện quy mô, mực độ, nhịp điệu phát triển của lượng mới. trong sự vật mới, lượng lại tiếp tục biến đổi dẫn đến hết giới hạn đó, đó là điểm nút ở đây lại xảy ra nhảy vọt và có sự chuyển biến về chất, chất mới ra đời, sự vật cũ mất đi, sự vật mới ra đời thay thế cho sự vật cũ. Sự ra đời của chất mới lại tác động đến sự bên đổi của lượng mới, cứ như vậy, hiện tượng vận động phát triển lúc thì đãn đén lượng lức thì nhảy bbotj về chất.

b) Ý nghĩa phương phát luận của sự nhận thức quy luận này trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở việt nam hiện nay.

- Việc nắm vững mối liên hệ biện chứng giữa thay đổi về chất có ý nghĩa phương phát luận quản tổng cho chúng ta nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nhận thức cũng như hoạt động trong xã hội hiện nay.

- Trong hoạt động xã hội thực tiễn nhất là trong đấu tranh các cách mạng phải biết chớp thời cơ và tận dụng thời cơ nhằm tạo nên sự phát triển.

- Chống quan điểm sai lầm của chủ nghĩa cả lương, chủ nghĩa xét lại hữu khuynh cũng như của nghĩa vô chính phủ tả khuynqh.

- Quan điểm của chủ nghĩa xét lại hữu khuynh, cả lương phủ nhận tính tất yếu của bước quá độ mang tính cách mạng, chỉ thừa nhận tiến hóa là hình thức thay đổi duy nhất của xã hội.

- Nắm vững quy luật này có ý nghĩa to lớn trong việc xem xét và giải quyết những vấn đề của công cuộc đổi mới ở nước ta hiện này. Việc thực hiện thành công quá trình đổi mới toàn diện tất cả các mặt của đời sống xac hội sẽ tạo ra bước nhảy về chất của toàn xã hội nước ta nói chung.

**Câu 5: Phân tích nội dung quy luật phủ định của phủ định? Ý nghĩa phương phát luận của sự nhận thức quy luận trong việc xây dựng sự nhận thức quy luận này trong việc xây dựng nên văn hóa mới tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ở nước ta hiện nay?**

a) Khái Niệm Phủ Định Và Phủ Định Biện Chứng   
Trong thế giới hiện tượng, vật chất các sự vật luôn luôn biến chuyển thay đổi, sinh ra, tồn tại và mất đi. Sự vật cũ mất đi được thay bằng những sự vật, hiện tượng mới, sự thay thế đó được gọi là sự phủ định. Sự phủ định sự vật này là một quy trình tất yếu trong quá trình vận động và phát triển sự vật mà không phải phủ định là xoá bỏ hoàn toàn cái cũ như các nhà siêu hình học nhìn nhận.   
Theo triết Marx, phủ định phải là phủ định biện chứng, tức là sự phủ định tạo tiền đề, điều kiện cho sự phát triển liên tục, từ cái cũ thành cái mới, hoàn thiện, phức tạp và cao cấp hơn cái cũ. Tuy nhiên, phủ định biện chứng là sự phủ định tự thân, từ sự phát triển tự thân nên phủ định biện chứng mang những đặc trưng cơ bản sau:

- Tính Khách Quan: các sự vật luôn luôn nằm trong quá trình vận động, biến đổi và phát triển do sự đấu tranh giải quyết những mâu thuẫn bên trong của các sự vật. Từ đấu tranh các mâu thuẫn mà sự vật luôn phát triển không ngừng, do vậy, phủ định biện chứng luôn mang tính khách quan trong quá trình vận động và phát triển.

- Tính Kế Thừa. Phủ định là phát triển tự thân của sự vật nên nó không phải thủ tiêu cái cũ mà là gạt bỏ những cái xấu, không tốt, lạc hậu để tiếp thu, chọn lọc những cái hay, cái đẹp khi hình thành cái mới. Do vậy, cái mới đó được hình thành từ cơ sở chọn lọc của cái cũ. Cái mới là mới từ cái cũ và cái cũ là cũ của cái mới. Giữa cái cũ và cái mới có mối liên hệ và khắng khít với nhau. Đó chính là tính kế thừa của phép phủ định biện chứng.   
Trong quá trình phủ định biện chứng, phủ định đồng thời cũng là khẳng định, phủ định mặt xấu, tiêu cực còn khẳng định những mặt tích cực, tốt đẹp. Do vậy, cái mới có mặt là một phần tất yếu, xuất phát từ cái cũ nhưng khác chất cái cũ. Và tất nhiên, quy trình phủ định biện chứng cần phải đảm bảo được ba điều kiện sau:1) Tính thời đại. 2) Tính dân tộc. 3) Tính mỹ thuật.   
b) Nội Dung Quy Luật Phủ Định Cái Phủ Định   
Trong quá trình vận động và phát triển, sự vật mới được ra đời trên cơ sở khẳng định và phủ định sự vật cũ. Khi hai mặt mâu thuẫn đấu tranh với nhau mà vượt qua giới hạn độ thì sự vật mới ra đời, phủ định biện chứng có mặt. Thế nhưng sự vật không dừng lại ở đó mà nó lại tiếp tục đấu tranh giữa các mặt mâu thuẫn mới và một lần nữa cái mới đó bị cái mới hơn phủ định. Quá trình phủ định hai lần đó được gọi là Phủ định của phủ định và từ đây “sự vật mới hoàn thành một chu kỳ phát triển”.  
Quá trình phủ định cái phủ định của sự vật đó làm xuất hiện những sự vật mới là kết quả tổng hợp tất cả các yếu tố tích cực mới được bổ sung và từ những lần khẳng định và phủ định trước đó. Quy luật phát triển liên tục, điểm kết thúc của chu kỳ này lại là điểm bắt đầu của một chu kỳ mới. Do vậy, kết quả phủ định cái phủ định luôn luôn bao giờ cũng có hình thức mới hơn, có nội dung toàn diện và phong phú hơn những cái ban đầu.   
Tuy nhiên, sự tiến lên của sự vật không theo con đường thẳng tắp mà được diễn ra theo hình “xoắn ốc”. Bởi “sự phát triển theo đường “xoắn ốc” là biểu thị sự rõ ràng, đầy đủ các đặc trưng của quá trình phát triển biện chứng của sự vật: tính kế thừa, tính lặp lại, tính tiến lên”.  
Khi nghiên cứu về Quy luật phủ định của phủ định chúng ta không nên máy móc trong nhận thức. Nghĩa là chúng ta không nên khăng khăng cho rằng sự vật, hiện tượng phải đủ hai lần phủ định mới hoàn thành một chu kỳ phát triển. Thực ra, có nhiều sự phát triển còn cần nhiều hơn cả con số hai lần phủ định như thế, hai lần là con số tối thiểu, chẳng hạn quá trình biến đổi trứng thành con tằm. Do vậy, trong vấn đề nhận thức quy luật này, chúng ta cần phải linh hoạt, không được máy móc. Không nên lấy cái cố định để ràng buộc cái bất định, nếu làm như thế là đi sai với quy luật và đó là một sai lầm.

**Câu 6: trình bày quan niện của triết học Mác-Lê nin về thực tiễn;** **những nội dung của nguyên tác thống nhất giữa lý luận và thực tiễn? ý nghĩa của phương pháp luận của quan niệm này trong nhận thức con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta?**

Quan niệm của triêt học Mac\_Lenin về thực tiễn: Là phạm trù triết học chỉ toàn bộ hoạt động của vật chất - cảm tính có tính chất lịch sử - xã hội của con người nhằm mục đích biến đổi tự nhiên và xã hội.  
\* Thực tiễn có những đặc trưng sau:   
- Là hoạt động vật chất chứ không phải là hoạt động tinh thần. Hoạt động vật chất là hoạt động mà con người dùng lực lượng vật chất, công cụ vật chất tác động vào đối tượng vật chất để làm biến đổi chúng.  
- Thực tiễn mang tính lịch sử - xã hội  
- Thực tiễn có tính mục đích nhằm cải tạo tự nhiên và XH  
\* Thực tiễn có 3 hình thức cơ bản: Sản xuất vật chất; hoạt động cải tạo (biến đổi) chính trị xã hội và hoạt động thực nghiệm khoa học - kỹ thuật. Trong đó, sản xuất vật chất là có sớm nhất, quan trọng nhất, quyết định hình thức kia. Hai hình thức kia có ảnh hưởng quan trọng tới sản xuất vật chất.

Sự thống nhất giữa thực tiễn và lý luận

- Nhận thức cảm tính: là giai đoạn đầu của quá trình nhận thức, là phản ánh trực tiếp, cụ thể, sinh động hiện thực khách quan vào các giác quan của con người. thể hiện dưới các hình thức: cảm giác, tri giác và biểu tượng.

- Nhận thức lý tính: được hình thành từ những tài liệu do nhận thực cảm tính đem lại . thể hiện dưới các hình thức khái niệm nhận đoán và suy luận

- Lý luận là sản phẩm của sự phát triển cao của nhận thức, đồng thời thể hiện như trình độ cao của nhận thức.

- Lý luận được hình thành không phải bên ngoài thực tiễn mà trong mỗi quan hệ với thực tiễn  thực tiễn cao hơn nhận thức

- Con người quan hệ với thế giới bắt đầu không phải bằng lý luận mà băng thực tiễn, cải tạo thế giới mà nhận thức, lý luận con người tác động đến thế giới đến thể hiện đến thuộc tính đến quy luận đến con nguwoif nhận thức.

- Quá trình hoạt động thực tiễn, trí tuệ con nguwof được phát triển và thành lý luận. lý luận cần thết và phụ vụ cho hoạt động thực tiễn.

- Thực tiễn là tiêu chuẩn chan lý. Lấy thực tiễn để kiểm nghiệm lý luận

- "Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong triết học Mác - LêninĐất nước Việt Nam bước vào thế kỷ XXI với những thành tựu to lớn đạt được trong 20 năm đổi mới. Có được những kết qủa đó là do Đảng cộng sản Việt Nam đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo".

- Phạm trù thực tiễn là một trong những phạm trù nền tảng, cơ bản của lý luận nhận thức Macxit nói riêng và chủ nghĩa mac\_lenein nói chung

- Thực tiễn là hoạt động của vật chất có mục đích mang tính lịch sử- xã hội của con người nhằm cải tọa tự nhiên và xã hội

- Thực tiễn có mỗi quan hệ biện chứng với hoạt động nhận thức. trong mỗi quan hệ nhận thức, vai trò của thực tiễn được biểu hiện trước hết ở chỗ, thwucj tiễn là cơ sở, động lực chủ yệ và trực tiếp của nhận thức. con người quan hệ với thế giới không phải bắt đầu bằng lý luận thực tiễn. chính từ trong quá trình hoạt động thực tiễ cải tạo thế giớ mà nhận thức của con người được hình thành , phát triển. thông qua hoạt động thực tiễn tác động vào thế giới bắt buộc thế giới phải bộ lộ ra những thuộc tính, nhưng tính quy luật nhận thức chúng. Thoát ly thực tiễn, nhận thức đã thoát ly khỏi mảnh đất hiện thực nuôi dưỡng nó phát triển vì thế không thể đem lại những tti thức sâu sắc, xác thực, đúng đắn về sự vật, sẽ không có khoa học, không có lý luận.

**Câu 7: Hãy phân tích nội dung quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ? Vận dụng quy luật này luận chứng tính tất yêu của sự tồn tại và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay ?**

*I- Phương thức sản xuất là sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất*   
*1. Lực lượng sản xuất*   
Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, thể hiện trình độ chinh phục tự nhiên của con người. Đó là kết quả của năng lực thực tiễn của con người trong quá trình tác động vào tự nhiên tạo ra của cải vật chất bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của loài người. Lực lượng sản xuất bao gồm tư liệu sản xuất (tư liệu lao động và đối tượng lao động) và người lao động với kinh nghiệm sản xuất và thói quen lao động.   
Các yếu tố của lực lượng sản xuất có quan hệ với nhau. Sự phát triển của lực lượng sản xuất là sự phát triển của tư liệu lao động thích ứng với bản thân người lao động, với trình độ văn hoá, khoa học, kỹ thuật của họ.   
Năng suất lao động là thước đo trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Đồng thời, xét đến cùng, đó là nhân tố quan trọng nhất cho sự thắng lợi của một trật tự xã hội mới. Ngày nay, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Những thành tựu của khoa học được vận dụng nhanh chóng và rộng rãi vào sản xuất, có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất phát triển; những tư liệu sản xuất, những tiến bộ của công nghệ và phương pháp sản xuất là kết quả vật chất của nhận thức khoa học. Thời đại ngày nay tri thức khoa học trở thành một bộ phận cần thiết của kinh nghiệm và tri thức của người sản xuất v.v. và được phát triển mạnh mẽ. Đó là lực lượng sản xuất to lớn thúc đẩy quá trình phát triển tiến bộ xã hội trên thế giới.   
  
*2. Quan hệ sản xuất*   
-Quan hệ giữa người và người trong quá trình sản xuất được gọi là quan hệ sản xuất. Cũng như lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất thuộc lĩnh vực đời sống vật chất của xã hội. Tính vật chất của quan hệ sản xuất thể hiện ở chỗ chúng tồn tại khách quan độc lập với ý thức con người.   
-Quan hệ sản xuất bao gồm: quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất; quan hệ về tổ chức quản lý trong sản xuất; quan hệ phân phối sản phẩm. Ba mặt trên có quan hệ hữu cơ với nhau, trong đó quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất giữ vai trò quyết định. Bản chất của bất cứ kiểu quan hệ sản xuất nào trước hết do quan hệ chiếm hữu tư liệu sản xuất quyết định.

*II. Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất*  
*1. Quan hệ sản xuất được hình thành, biến đổi, phát triển dưới ảnh hưởng quyết định của lực lượng sản xuất*  
- Lực lượng sản xuất là yếu tố động nhất và cách mạng nhất, là nội dung của phương thức sản xuất, còn quan hệ sản xuất là yếu tố tương đối ổn định, là hình thức xã hội của phương thức sản xuất. Trong mối quan hệ giữa nội dung và hình thức thì nội dung quyết định hình thức.   
- Lực lượng sản xuất phát triển thì quan hệ sản xuất biến đổi theo phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Sự phù hợp đó làm cho lực lượng sản xuất tiếp tục phát triển. Khi tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất phát triển đến mức nào đó sẽ mâu thuẫn với quan hệ sản xuất hiện có, đòi hỏi xoá bỏ quan hệ sản xuất cũ để hình thành quan hệ sản xuất mới phù hợp với lực lượng sản xuất đang phát triển, làm phương thức sản xuất cũ mất đi, phương thức sản xuất mới xuất hiện...   
- Sự phát triển của lực lượng sản xuất từ thấp đến cao qua các thời kỳ lịch sử khác nhau đã quyết định sự thay thế quan hệ sản xuất cũ bằng quan hệ sản xuất mới cao hơn, đưa loài người trải qua nhiều hình thái kinh tế - xã hội khác nhau từ thấp lên cao, với những kiểu quan hệ sản xuất khác nhau.

*2. Sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất*- Quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất sẽ tạo địa bàn rộng lớn cho sự phát triển của lực lượng sản xuất, trở thành động lực cơ bản thúc đẩy, tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển.   
- Khi quan hệ sản xuất đã lỗi thời, lạc hậu không còn phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất thì nó trở thành xiềng xích trói buộc, kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.   
- Quan hệ sản xuất, sở dĩ có thể tác động (thúc đẩy hoặc kìm hãm) sự phát triển của lực lượng sản xuất, vì nó quy định mục đích của sản xuất; ảnh hưởng đến thái độ lao động của quảng đại quần chúng; kích thích hoặc hạn chế việc cải tiến công cụ, việc áp   
dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, việc hợp tác và phân công lao động, v.v..   
- Trong xã hội có giai cấp đối kháng mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất biểu hiện thành mâu thuẫn giai cấp và chỉ thông qua đấu tranh giai cấp mới giải quyết được mâu thuẫn đó để đưa xã hội tiến lên.   
Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất biểu hiện sự vận động nội tại của phương thức sản xuất và biểu hiện tính tất yếu của sự thay thế phương thức sản xuất này bằng phương thức sản xuất khác cao hơn. Quy luật này là quy luật phổ biến tác động trong mọi xã hội, làm cho xã hội loài người phát triển từ thấp đến cao.   
  
*3. Sự vận dụng quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất ở nước ta.*  
-Nước ta lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa từ một nước nông nghiệp lạc hậu, do đó xây dựng phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa là một quá trình lâu dài và đầy khó khăn, phức tạp. Kinh nghiệm thực tế chỉ rõ, lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ và có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.   
-Tình hình thực tế của nước ta đòi hỏi phải coi trọng những hình thức kinh tế trung gian, quá độ từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn. Để xây dựng phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, chúng ta chủ trương xây dựng một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần với cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước nhằm phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất để xây dựng cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Từng bước xã hội hoá xã hội chủ nghĩa, quá trình đó được thực hiện không phải bằng gò ép mà được thực hiện từng bước thông qua sự hỗn hợp các hình thức sở hữu như công ty cổ phần, chủ nghĩa tư bản nhà nước, các hình thức hợp tác xã v.v. để dần dần hình thành các tập đoàn kinh doanh lớn, trong đó các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể là nòng cốt. Chúng ta chỉ bỏ qua những gì của xã hội cũ không còn phù hợp với xã hội mới thay thế và không đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn; chúng ta chủ trương thực hiện sự chuyển hoá cái cũ thành cái mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 8: Hãy phân tích mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng xã hội ? Vận dụng mối quan hệ này để phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự phát triển xã hội ở nước ta và luận chứng cho tính tất yếu cải cách nền hành chính quốc gia ở nước ta hiện nay ?**

*I/ khái niệm:*

Từ những quan hệ xã hội phức tạp - Mác khái quát nên hai loại quan hệ cơ bản

Quan hệ sản xuất  vật chất và Quan hệ sản xuất   tinh thần, tư tưởng được phản ánh trong phạm trù Cơ sở hạ tầng và Kiến trúc thượng tầng

1/ cơ sở hạ tầng:

Cơ sở hạ tầng là tổng hợp các quan hệ sản xuất hợp thành kết cấu kinh tế của 1  xã hội nhất định.

Ở đây yếu tố Tổng hợp các Quan hệ sản xuất là tổng hợp Quan hệ sản xuất tàn dư, Quan hệ sản xuất thống trị, Quan hệ sản xuất mầm mống.

Chẳng hạn: xã hội Phong kiến: Trong đó chiếm hữu nô lệ, nguyên thủy (là quan hệ tàn dư) phong kiến (là quan hệ thống trị) tư bản chủ nghĩa (là quan hệ mầm mống)

Tính chất của cơ sở hạ tầng do giai cấp thống trị chi phối.

Tóm lại: Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất của một xã hội nhất định. Cơ sở hạ tầng của xã hội có giai cấp đối kháng luôn mang tính giai cấp. Vì vậy, không có cơ sở hạ tầng chung cho mọi xã hội.

Ngoài ra, Cơ sở hạ tầng khác với kết cấu hạ tầng vì kết cấu hạ tầng không phải là khái niệm triết học. Nó là khái niệm của môn khoa học khác (đường sá, cầu cống).

2/ Kiến trúc thượng tầng: là toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp luật, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật..  với những thiết chế tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể, hiệp hội được hình thành trên cơ sở hạ tầng nhất định.  
- Các bộ phận của kiến trúc thượng tầng đều phản ảnh cơ sở hạ tầng trực tiếp hoặc gián tiếp -> tức là, lĩnh vực tinh thần đều phản ánh lĩnh vực kinh tế.

Trong xã hội có giai cấp bóc lột, giai cấp đối kháng, thì quan điểm của giai cấp bị bóc lột cũng nằm trong kiến trúc thượng tầng . Tuy nhiên hệ tư tưởng của giai cấp thống trị giữ vai trò quyết định tính chất của kiến trúc thượng tầng .

Tính giai cấp của kiến trúc thượng tầng thể hiện sự đối lập về quan điểm tư tưởng và cuộc đấu tranh của các giai cấp  đối kháng.

Ví dụ: trong xã hội phong kiến, con vua thì lại làm vua.. cha chuyền con nối.

II/ Quan hệ biện chứng:

1/ Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng với kiến trúc thượng tầng

Thư nhất: cơ sở hạ tầng nào thì “sinh ra” kiến trúc thượng tầng ấy. Vì để làm chủ về kinh tế, thì giai cấp  thống trị tổ chức ra bộ máy cùng với quy định luật lệ và những quan điểm tư tưởng hướng xã hội hoạt động, bảo vệ quan hệ sản xuất thống trị ấy, bảo vệ lợi ích giai cấp mình.

Quan hệ sản xuất là quan hệ cơ bản, quyết định quan hệ khác như kinh tế chính trị...

Thứ 2: cơ sở hạ tầng hình thành tính chất kiến trúc thượng tầng , cơ sở hạ tầng biến đổi, sớm hay muộn cũng dẫn đến sự biến đổi kiến trúc thượng tầng nhưng vô cùng phức tạp.

Ví dụ: Cơ sở hạ tầng quan hệ sản xuất tư bản thì kiến trúc thượng tầng là kiến trúc thượng tầng tư bản.

Cơ sở hạ tầng thay đổi thì dẫn đến kiến trúc thượng tầng thay đổi nhưng phức tạp vì sự thay đổi không đồng nhất thay đổi nhanh chậm khác nhau. Ví dụ, Trong xã hội hiện nay vẫn còn tư tưởng gia trưởng phong kiến.

2. *Tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng*trên hai khía cạnh:

Thứ nhất: Sự tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng Thể hiện ở chức năng xã hội của nó. Chức năng này có hai mặt,

Mặt thứ nhất là kiến trúc thượng tầng bảo vệ, duy trì, củng cố, phat triển cơ sở hạ tầng sinh ra nó.

Mặt thứ 2:  Đấu tranh để xóa bỏ cơ sở hạ tầng cũ.

Thứ 2: Sự tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng nếu cùng chiều với quy luật  kinh tế khách quan, thì thúc đẩy cơ sởhạ tầng , còn ngược lại sẽ kìm hãm.  
LIÊN HỆ : *Chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước phản ánh đúng tình hình thực tiễn, đb phản ánh phù hợp các QUAN HỆ SẢN XUẤT và đời sống vật chất của nhân dân trong xã hội sẽ thúc  đẩy đất nước phát triển*

*Chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật phản ánh không đúng tình hình thực tế, đb là phản ánh không phù hợp các QUAN HỆ SẢN XUẤT và đời sống vật chất trong xã hội sẽ kìm hãm sự phát triển của đất nước*.

Sự tác động này phức tạp, có thể trực tiếp hoặc gián tiếp. Ở đây Nhà nước sẽ tác động trực tiếp,

Thực chất mối quan hệ này là quan hệ kinh tế và chính trị. Trong đó kinh tế quyết định chính trị và chính trị tác động trở lại kinh tế.

*3. Vai trò của nhà nước đối với cơ sở hạ tầng*

- Trong kiến trúc thượng tầng, Nhà nước là yếu tố tác động mạnh nhất đối với cơ sở hạ tầng, làm chức năng bảo vệ, duy trì quyền sở hữu tư liệu sản xuất và lợi ích của giai cấp thống trị thông qua bộ máy quyền lực Nhà nước, bao gồm: cảnh sát, nhà tù, trại giam, quân đội, vũ khí tự vệ và chiến đấu.

+ Các yếu tố khác như: triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật, khoa học cũng tác động đến cơ sở hạ tầng, nhưng chúng đều bị nhà nước và pháp luật chi phối.

+ Kiến trúc thượng tầng có sự tác động mạnh mẽ đối với sự phát triển của kinh tế - xã hội, nhưng bản thân nó không làm thay đổi được tiến trình phát triển khách quan của xã hội.

 + Xét đến cùng kinh tế là nhân tố quan trọng quyết định đối với kiến trúc thượng tầng. Nếu Kiến trúc thượng tầng kìm hãm sự phát triển của kinh tế - xã hội, thì sớm hay muộn sẽ bị thay thế bằng kiến trúc thượng tầng mới, tiến bộ nhằm thúc  đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

*4. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng ở nước ta hiện nay.*

- Cơ sở hạ tầng ở nước ta hiện nay nằm trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế phát triển còn thấp kém. Đó là một cơ cấu kinh tế bao gồm nhiều thành phần.

Liên hệ: Nhiều THÀNH PHẦN KINH TẾ với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen hỗn hợp: *Thành phần kinh tế NHÀ NƯỚC ; Thành phần kinh tế tập thể; thành phần  Kinh tế tư bản nhà nước; thành phần  KINH TẾ  cá thể, tiểu chủ; KINH TẾ  hỗn hợp*

+ Các thành phần kinh tế được tổ chức thành một cơ cấu KINH TẾ  thống nhất vận hành theo định hướng XÃ HỘI CHỦ NGHĨA do kinh tế NHÀ NƯỚC  quyết định. Thành phần kinh tế NHÀ NƯỚC , tức là thành phần kinh tế định hướng XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội.

+ Tính đa dạng, phức tạp và đan xen của cơ sở hạ tầng quy định tính phức tạp nhiều mặt của kiến trúc thượng tầng ở nước ta, được biểu hiện cụ thể trên lĩnh vực đời sống tinh thần của xã hội.

+ Kết cấu của kiến trúc thượng tầng được quy định bởi hệ tư tưởng Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là nền tảng tư tưởng duy nhất chỉ đạo toàn bộ đời sống xã hội đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân.

III: Ý nghĩa:

- Kiến trúc thượng tầng là do cơ sở hạ tầng sinh ra. Vì vậy, phải xây dựng và hoàn thiện một hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, đầu tư chiến lược phù hợp với cơ sở hạ tầng, tức là phù hợp với quan hệ sản xuất hiện tồn và cơ cấu thành phần kinh tế nhằm kích thích sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

LIÊN HỆ : Ở Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI chỉ ra: “*Xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là  thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền*”

- Cơ sở hạ tầng đóng vai trò quyết định đối với kiến trúc thượng tầng. Vì vậy, để củng cố kiến trúc thượng tầng vững mạnh thì cần phải mở rộng và phát huy vai trò của các quan hệ sản xuất trong đời sống xã hội, cụ thể:

+ Thực hiện mở rộng, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần đặt dưới sự quản lý của Nhà nước.

+ Thực hiện đa dạng hoá các hình thức sở hữu, tổ chức quản lý, phân phối sản phẩm nhằm bảo đảm lợi ích cho các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Qua đó, sẽ kích thích, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, góp phần củng cố kiến trúc thượng tầng và tình hình an ninh chính trị của quốc gia.

- Trong quan hệ sản xuất bao gồm: *quan hệ sản xuất tàn dư, quan hệ sản xuất thống trị và mầm mống của quan hệ sản xuất tương lai*.

+ Nhà nước và các tổ chức xã hội cần có cơ chế, chính sách loại bỏ dần các quan hệ sản xuất tàn dư, lạc hậu và củng cố vững chắc quan hệ sản xuất thống trị hiện tồn

+ Từng bước ưu tiên phát triển những quan hệ sản xuất mới tiến bộ, khoa học nhằm thúc  đẩy lực lượng sản xuất phát triển, nâng cao năng suất lao động. Qua đó, góp phần củng cố kiến trúc thượng tầng vững mạnh.

2. vận dụng cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng vào trong đổi mới chính trị ở Việt Nam:

- *Thực hiện đổi mới trên nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đổi mới có bước đi, lộ trình, kế hoạch trên tinh thần Đảng lãnh đạo, NHÀ NƯỚC  quản lý, nhân dân lao động làm chủ.*

Đổi mới toàn diện cả kinh tế và chính trị. Trước hết, Đổi mới kinh tế, từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng chủ nghĩa xã hội. Trong đó Cơ sở hạ tầng Việt Nam hiện nay là cơ sở hạ tầng quá độ bao gồm nhiều loại hình quan hệ sản xuất.  Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo kinh tế  hợp tác làm nền tảng, đó là nguyên tắc.

Tăng trưởng kinh tế gắn với công bằng tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái. Ví dụ: công nghiệp hóa gắn với mất ruộng, giải quyết đời sống cho người lao động

Thứ 2 là: đổi mới chính trị:Đổi mới chính trị không phải thay đổi chế độ chính trị mà đổi mới tư duy chính trị về Chủ nghĩa xã hội.

Đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị giới sự lãnh đạo của Đảng mà thực chất là đẩy mạnh dân chủ hóa.

Cụ thể là nâng cao hiệu quả sự lãnh đạo của đảng với các thành viên trong hệ thống chính trị và giải quết tốt mối quan hệ  giữa các thành viên, thực chất là đẩy mạnh dân chủ hóa chủ nghĩa xã hội.

Kiến thức  thượng tầng của Việt Nam hiện nay:về mặt chính trị  nước ta đang xây dựng định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác Leenin , tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam  là nền tảng tư tưởng, là cơ sở chiến lược, sách lược  cách mạng cho Đảng lãnh đạo, thể chế Việt Nam là thể chế nhất nguyên chính trị. Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do dân vì dân.

Chúng ta đổi mới toàn diện, nhưng đổi mới kinh tế là trọng tâm, chính trị là từng bước.

**Câu 10: Quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê nin về nguồn gốc bản chất của nhà nước? Nêu các đặc trưng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam? Vai trò của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đối với việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?**

*Nguồn gốc ra đời của Nhà nước.*

Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin thì nhà nước là một phạm trù lịch sử, nghĩa là nhà nước chỉ ra đời và tồn tại trong một giai đoạn nhất định của sự phát triển của lịch sử. Nhà nước sẽ mất đi khi những điều kiện tồn tại của nó không còn nữa. Trong lịch sử đã có một thời kỳ rất dài chưa có nhà nước và sau này nhà nước cũng sẽ mất đi khi điều kiện tồn tại của nó không còn.

Lịch sử phát triển của xã hội cho thấy rằng xã hội nguyên thủy, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, mọi người sống bình đẳng, chưa có giai cấp nên chưa có nhà nước. Đến xã hội chiếm hữu nô lệ, với sự ra đời của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng - chủ nô và nô lệ - thì mâu thuẫn giữa giai cấp chủ nô thống trị bóc lột và giai cấp nô lệ bị thống trị, bị bóc lột ngày càng sâu sắc. Cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp nô lệ chống lại giai cấp chủ nô do vậy đã diễn ra ngày càng quyết liệt không thể điều hòa được. Để bảo vệ lợi ích của giai cấp mình, đàn áp sự phản kháng của giai cấp nô lệ và buộc họ phải tuân theo trật tự do giai cấp mình đặt ra, giai cấp chủ nô đã lập ra một bộ máy bạo lực, trấn áp, bộ máy đó là nhà nước.

Nhà nước đầu tiên trong lịch sử là Nhà nước chiếm hữu nô lệ. Đó là nhà nước xuất hiện trong cuộc đấu tranh không thể điều hòa được giữa giai cấp chủ nô và giai cấp nô lệ.

Tiếp đó là nhà nước phong kiến và nhà nước tư bản chủ nghĩa mà sự xuất hiện của nó cũng dựa trên mâu thuẫn đối kháng nói trên.

Như thế là bất kỳ ở đâu và lúc nào khi mà mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được thì ở đó nhà nước sẽ xuất hiện. Cũng như thế, nơi nào có nhà nước xuất hiện và tồn tại thì chừng đó ở đó có mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được. Đó là nguồn gốc ra đời của Nhà nước.

Như Lênin đã viết: “Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được. Bất cứ ở đâu, hễ lúc nào và chừng nào mà về mặt khách quan, những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được thì nhà nước sẽ xuất hiện và ngược lại, sự tồn tại của nhà nước chứng tỏ rằng những mâu thuẫn giai cấp là không thể điều hòa được”.

Như vậy sự ra đời của nhà nước là một tất yếu khách quan của xã hội có giai cấp đối kháng. Sau này, khi xã hội không còn phân chia giai cấp, không còn mâu thuẫn giai cấp đối kháng thì nhà nước cũng sẽ tự tiêu vong.

Hiện tại, nhà nước của giai cấp công nhân, gọi là nhà nước chuyên chính vô sản là một hình thức nhà nước quá độ, nhà nước không còn nguyên nghĩa của nó, là nhà nước “nửa nhà nước” để tiến tới xã hội không còn phân chia giai cấp, không còn nhà nước. Nhưng sự tồn tại của nhà nước chuyên chính vô sản trong thời kỳ quá độ lại là một tất yếu vì nó là công cụ sắc bén trong tay giai cấp công nhân dùng để cải tạo triệt để xã hội cũ và xây dựng thành công xã hội mới.

*Bản chất của nhà nước.*

Nhà nước không phải là hiện tượng bẩm sinh, có sẵn, cũng không phải là được sinh ra từ bên ngoài xã hội rồi áp đặt vào xã hội; cũng không phải là cái do ý muốn chủ quan của một cá nhân hay một giai cấp nào đó quyết định, mà sự ra đời và tồn tại của nhà nước là một tất yếu khách quan do nhu cầu phải kiềm chế sự đối lập giữa các giai cấp, làm cho cuộc đấu tranh giữa các giai cấp có lợi ích kinh tế đối kháng nhau không đi đến chỗ tiêu diệt nhau và giữ cho sự xung đột giai cấp nằm trong vòng trật tự của nó, đó là trật tự duy trì chế độ kinh tế mà trong đó giai cấp thống trị vẫn tiếp tục thống trị và bóc lột giai cấp bị thống trị.

Như vậy, bản chất của nhà nước là nền chuyên chính của một giai cấp này đối với một giai cấp khác và đối với toàn xã hội. Đương nhiên giai cấp lập ra và sử dụng bộ máy nhà nước thường là giai cấp có thế lực nhất, đó là giai cấp nắm trong tay sức mạnh kinh tế và làm chủ tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Nhờ có bộ máy nhà nước mà giai cấp thống trị mặc dù là số ít trong dân cư nhưng lại duy trì được sự thống trị áp bức, bóc lột của mình đối với giai cấp bị thống trị, dù chiếm số đông trong xã hội.

Với tư cách là bộ máy trấn áp của giai cấp này đối với giai cấp khác, nhà nước của các giai cấp bóc lột không thể “là một tổ chức công bằng”, “một trọng tài công minh” để bảo vệ lợi ích chung cho mọi giai cấp, cho giai cấp bóc lột và cả giai cấp bị bóc lột. Mà nhà nước của các giai cấp bóc lột là bộ máy được lập ra nhằm hợp pháp hóa và củng cố sự áp bức của giai cấp đó đối với giai cấp bị trị và đối với quần chúng nhân dân lao động. Đó chính là bản chất của nhà nước của các giai cấp bóc lột, nhà nước theo đúng nghĩa của nó. Với bản chất đó, nhà nước là một bộ phận quan trọng nhất trong kiến trúc thượng tầng của xã hội có giai cấp. Tất cả mọi hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội do nhà nước tiến hành xét đến cùng đều xuất phát từ lợi ích và nhằm để phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị.

Nêu các đặc trưng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Vì Nhà nước và pháp luật đều mang tính giai cấp, cho nên Nhà nước pháp quyền nước ta là “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” với những đặc trưng như sau:

Một là, *Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân.*

Khi nói Nhà nước của dân, ý muốn nói nhân dân là người chủ quyền lực Nhà nước - nguyên lý ấy là nền tảng, là cái bất biến của Nhà nước ta trong suốt gần 70 năm xây dựng và trưởng thành. Quyền lực Nhà nước bắt nguồn từ nhân dân. “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ; nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”. Nhân dân, người chủ của Nhà nước, bắt nguồn từ thực tế nhân dân là người sáng tạo chân chính của lịch sử và làm ra mọi của cải vật chất, tinh thần cho xã hội.

Sự tồn tại, hoạt động của Nhà nước cũng phải “do dân”. Bằng kết quả đấu tranh cách mạng lâu dài của nhân dân mà Nhà nước được thành lập. Các cơ quan, nhân viên Nhà nước là do dân lựa chọn cử, bầu ra.

Mọi hoạt động của các cơ quan Nhà nước, các cán bộ, công chức phải quán triệt quan điểm vì dân. Một Nhà nước vì dân coi việc đem lại quyền lợi chính đáng cho dân là mục tiêu hoạt động của mình. Sứ mệnh “vì dân” hàm chứa một nội dung cực kỳ súc tích thể hiện đầy đủ vai trò, bản chất, chức năng của một Nhà nước dân chủ.

Hai là, *quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp, nhằm hạn chế sự lộng quyền, lạm quyền, xâm hại tới lợi ích hợp pháp của công dân từ phía Nhà nước. Đây là vấn đề vừa khoa học, vừa thực tiễn; phức tạp và rất nhạy cảm*.

Quyền lực Nhà nước là thống nhất. Quan điểm có tính nguyên tắc này thể hiện quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân. Nhân dân là chủ thể duy nhất thực hiện quyền lực Nhà nước. Đó là một Nhà nước mà mọi quyền hạn và hiệu lực đều ở nơi dân. Đại hội XI của Đảng đã bổ sung, phát triển quan điểm: “Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện” (1).

Quyền lực Nhà nước là thống nhất, nhưng phải có sự phân công và phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Điều đó có nghĩa là phải coi trọng việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện ba quyền để hạn chế đến mức thấp nhất sự lạm quyền, lộng quyền, xâm hại lợi ích hợp pháp của công dân từ phía Nhà nước, hoặc chồng chéo, cản trở công việc chung.

Ba là, *tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.*

Tập trung dân chủ hay dân chủ tập trung đều bao hàm hai thành tố: tập trung và dân chủ. Hai thành tố đó không hề đối lập nhau mà có mối quan hệ biện chứng với nhau và cùng phát triển theo tỷ lệ thuận. Tập trung càng cao thì dân chủ càng được mở rộng, và ngược lại. Tập trung ở đây không phải là tập trung quan liêu, tập trung độc đoán. Dân chủ ở đây là dân chủ thực sự, chứ không phải dân chủ mang tính hình thức, hay dân chủ “không giới hạn”, dân chủ cực đoan, muốn làm gì thì làm. Tập trung trên cơ sở dân chủ thì tập trung sẽ thúc đẩy dân chủ rộng rãi và có chất lượng cao hơn. Tập trung là đòi hỏi của chính bản thân dân chủ. Ngược lại, dân chủ trên cơ sở tập trung sẽ dễ dàng đạt tới sự thống nhất cao. Lúc đó, dân chủ trở thành đòi hỏi của chính bản thân tập trung. Dân chủ mà không tập trung, về thực chất, là xóa bỏ dân chủ. Tập trung mà không dân chủ, về thực chất, cũng là xóa bỏ tập trung.

Xa rời nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, bộ máy Nhà nước sẽ kém hiệu lực và sức mạnh. Quan điểm này được biểu hiện cơ bản nhất ở cách thức tổ chức và phân công quyền lực giữa các cơ quan Nhà nước, ở sự phân cấp giữa chính quyền Trung ương và địa phương, ở chế độ giao quyền và tự chịu trách nhiệm giữa cá nhân và tập thể. Nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ thường được thể hiện ở mối quan hệ giữa cơ quan cấp trên với cơ quan cấp dưới, giữa cá nhân phụ trách với tập thể lãnh đạo.

Bốn là, *tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức*.

Trên cơ sở đó, giữ vững được bản chất giai cấp, quyền lực Nhà nước sẽ thống nhất và tập trung nơi nhân dân; nguyên tắc tập trung dân chủ có điều kiện để trở thành hiện thực. Đây là một quan điểm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là biện pháp cần thiết để bảo đảm dân chủ, thể hiện ở việc thể chế hóa đầy đủ bằng pháp luật quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và quyết tâm đưa pháp luật vào cuộc sống, thực thi pháp luật; đặt Hiến pháp và các đạo luật ở vị trí cao nhất trong việc điều chỉnh các quan hệ thuộc các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Hệ thống pháp luật luôn luôn được đổi mới theo yêu cầu toàn diện của nhiệm vụ quản lý xã hội về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ… Đồng thời phải coi trọng công tác giáo dục pháp luật, nâng cao đạo đức.

Nhà nước bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, mọi tổ chức đảng, mọi cơ quan Nhà nước, đoàn thể…đều phải hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật. Không một tổ chức, cá nhân dù ở cương vị nào được đứng trên pháp luật. Tất nhiên, đối với các hoạt động phá hoại, gây rối, thù địch thì pháp luật phải nghiêm trị.

Năm là, *Nhà nước đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân là trọng trách của Đảng cầm quyền, là một tất yếu khách quan, yêu cầu cần thiết mà thực tiễn đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta đặt ra.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Nhà nước, pháp luật là bộ máy và phương tiện chuyển tải đường lối, chính sách của Đảng vào cuộc sống. Đảng lãnh đạo nhân dân làm cách mạng giành chính quyền về tay nhân dân, và Đảng tiếp tục lãnh đạo xây dựng Nhà nước, lãnh đạo hoạt động của Nhà nước nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội là lẽ đương nhiên.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân phải bao quát toàn bộ tổ chức, hoạt động của Nhà nước.

Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phải gắn liền và dựa trên cơ sở Đảng thường xuyên được đổi mới, chỉnh đốn, xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, thật sự là một Đảng cách mạng chân chính.

Nhà nước còn chịu sự giám sát và phản biện xã hội của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Vai trò của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đối với việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

Ở Việt Nam hiện nay, vai trò của Nhà nước đối với kinh tế không chỉ xuất phát từ yêu cầu phổ biến của quá trình phát triển kinh tế thị trường, mà còn xuất phát từ tính đặc thùcủa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bài viết này chỉ tập trung vào khía cạnh thứ hai vừa nêu.

Thị trường, kinh tế thị trường là một kiểu quan hệ giữa người với người trong sản xuất, trao đổi và tiêu dùng, nên mang đậm dấu ấn của quan hệ xã hội, của thể chế chính trị mà nền kinh tế đó tồn tại. Với mức độ đáng kể, sự phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay bị chi phối và nhằm phục vụ cho định hướng xã hội chủ nghĩa. Đương nhiên, nhân tố sâu xa bảo đảm định hướng chính trị đối với kinh tế là đường lối, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng Cộng sản cầm quyền. Song, để đường lối, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng biến thành hiện thực vận động của nền kinh tế, chúng phải được thể chế hóa thành hệ thống pháp luật, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và được triển khai bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước, dưới sự quản lý của Nhà nước do Đảng lãnh đạo. Xét từ giác độ đó, Nhà nước có tác động trực tiếp nhất tới việc định hướng sự vận động của kinh tế thị trường. Pháp luật, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của Nhà nước chỉ đúng, khi chúng phản ánh chính xác yêu cầu phát triển khách quan của thị trường, lấy quy luật thị trường làm cơ sở. Xét ở mặt này, chúng mang tính khách quan. Nhưng chúng lại là sự thể chế hóa, cụ thể hóa mục tiêu chính trị của Đảng, nên cũng có mặt chủ quan. Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, định hướng chủ quan (ý chí của Đảng, của Nhà nước và nhân dân ta) là ở chỗ, cùng với việc bảo đảm lợi ích hợp lý của doanh nhân, thì việc ưu tiên bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động là một vấn đề có tính nguyên tắc. Nhà nước có cơ chế, chính sách để bảo đảm sự ưu tiên đó, thể hiện ở cả ba lĩnh vực kinh tế cơ bản sau:

Trên lĩnh vực sở hữu:Sự tồn tại của ba chế độ sở hữu (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân), ba hình thức sở hữu (hình thức sở hữu nhà nước, hình thức sở hữu tập thể, hình thức sở hữu tư nhân) là một đòi hỏi khách quan của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay. Nhà nước thông qua hệ thống chính sách, pháp luật, đòn bẩy kinh tế để định hướng, làm cho kinh tế nhà nước từng bước vươn lên nắm vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể tạo thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

Trên lĩnh vực quản lý:Nhà nước xây dựng cơ chế, chính sách… tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động trực tiếp hay thông qua các khâu trung gian nhất định tham gia quá trình hoạch định, tổ chức, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch phát triển của doanh nghiệp.

Trên lĩnh vực phân phối: Nhà nước vừa thông qua hệ thống chính sách kinh tế do mình hoạch định, vừa sử dụng các nguồn lực – trực tiếp là bộ phận kinh tế nhà nước – để định hướng, can thiệp vào lĩnh vực phân phối và phân phối lại theo hướng ưu tiên phân phối theo lao động và qua phúc lợi xã hội; kết hợp tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội; hoạch định các chính sách xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa…